

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LÊ CHÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2020/HNGĐ-ST
Ngày 29-12-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hạnh

Bà Phạm Thị Kim Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Hoàng Hải Bình - Thư ký Tòa án nhân dân quận Lê Chân.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Lê Chân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 449/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 966/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1042/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15/12/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Q, đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 141 C, phường H, quận L, thành phố H; chỗ ở: Số 1/3/101 Đ, Đ, phường Q, quận K, thành phố H;

- *Bị đơn:* Anh Đặng Vũ T, nơi cư trú: Số 141 C, phường H, quận L, thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 22 tháng 9 năm 2020 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị Lê Thị Q trình bày:

Chị Lê Thị Q và anh Đặng Vũ T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 2010, được gia đình hai bên đồng ý tổ chức hỏi cưới theo phong tục tập

quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên vào ngày 25/3/2010. Đến nay vợ chồng có một con chung.

Quá trình chung sống: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cách sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Anh T không có công việc ổn định, kinh tế gia đình khó khăn, tinh thần sa sút, cuộc sống gia đình trở nên bế tắc, mệt mỏi. Hai bên gia đình đã khuyên giải và bản thân chị Q cũng cố gắng động viên anh T để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Từ cuối năm 2016 đến nay hai bên đã sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai về mọi mặt. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ, chị Lê Thị Q đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Đặng Vũ T.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Đặng Lê Chi M, sinh ngày 06/01/2012. Chị Q có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi con thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con chung hai bên sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Đặng Vũ T vắng mặt không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ. Quá trình giải quyết vụ án anh T đã được tổng đạt các văn bản của Tòa án theo quy định pháp luật tố tụng, nhưng anh T vắng mặt tại các buổi làm việc và cũng không có văn bản trình bày quan điểm của mình.

Tiến hành làm việc với đại diện gia đình anh T và chính quyền địa phương đều xác định mâu thuẫn giữa chị Q và anh T là trầm trọng. Nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống, cách sống, không còn tiếng nói chung. Anh chị sống ly thân từ năm 2016 đến nay.

Kiểm sát viên tham gia phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về trình tự thủ tục về pháp luật tố tụng tại phiên tòa; nguyên đơn chấp hành đúng các quy định về pháp luật tố tụng; bị đơn không chấp hành đúng các quy định về pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Chị Lê Thị Q và anh Đặng Vũ T kết hôn từ năm 2010 và thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên vào ngày 25/3/2010 nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống do hai bên bất đồng quan điểm sống, cách sống nên vợ chồng có nhiều mâu thuẫn trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ,

mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị Q ly hôn anh T theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Chị Q và anh T có một con chung là Đặng Lê Chi M, sinh ngày 06/01/2012. Chị Q có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên; con chung cũng có nguyện vọng được sống với chị Q, anh T không trình bày quan điểm của mình; việc cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét yêu cầu trên là phù hợp, cần chấp nhận.

Về tài sản chung: Các đương sự không có yêu cầu về tài sản chung nên không xem xét.

Về án phí: Chị Lê Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Đây là vụ án tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; theo đơn khởi kiện, trình bày của đương sự thể hiện: Anh Đặng Vũ T có nơi cư trú tại: Số 141 C, phường H, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Căn cứ các điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án khởi kiện xin ly hôn giữa nguyên đơn là chị Lê Thị Q và bị đơn là anh Đặng Vũ T thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Q có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là anh Đặng Vũ T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Q và anh Đặng Vũ T kết hôn với nhau từ năm 2010 và thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên vào ngày 25/3/2010 nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

[4] Quá trình chung sống: Vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu đến năm 2014 nảy sinh mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm sống, cách sống, kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên hai bên thường xuyên xảy ra bất hòa, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc.

Mặc dù hai bên gia đình nhiều lần khuyên giải nhưng vợ chồng không hòa giải được. Từ cuối năm 2016 đến nay vợ chồng sống ly thân, mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau về mọi mặt. Quá trình giải quyết vụ án, anh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt tại các buổi làm việc và không trình bày quan điểm của mình. Qua xác minh tại gia đình, nơi cư trú của chị Q và anh T cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, quan hệ vợ chồng trên thực tế đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Bởi vậy chị Q yêu cầu được ly hôn anh T là phù hợp với thực tế, cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về con chung: Chị Q và anh T có một con chung là Đặng Lê Chi M, sinh ngày 06/01/2012. Chị Q vẫn giữ nguyên quan điểm được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi con thành niên. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, chị Q là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, đồng thời con chung cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh T nhưng đều vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì về vấn đề con chung. Nguyện vọng của chị Q là phù hợp với thực tế, phù hợp nguyện vọng của con và quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Về tài sản chung: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về án phí: Chị Q phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị Q được ly hôn anh Đặng Vũ T.

- Về con chung: Giao con chung là Đặng Lê Chi M, sinh ngày 06/01/2012 cho chị Lê Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Lê Thị Q phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị Q đã nộp đủ số tiền án phí là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014017 ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Lê Chân;
- Chi cục THADS quận Lê Chân;
- UBND xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên (ĐKKH số 47 ngày 25.3.2010);
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thùy Linh